

Số: 3862 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt của các công trình cấp nước tập trung
nông thôn do Trung tâm Khuyến nông quản lý, khai thác, vận hành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 731/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 9 năm 2026; Công văn số 9400/SNNMT-KHTC ngày 25/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn đối với các công trình cấp nước sạch sinh hoạt do Trung tâm Khuyến nông quản lý, khai thác, vận hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trực tiếp sử dụng nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- b) Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai.
c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn

1. Giá nước sạch sinh hoạt cụ thể với từng nhóm khách hàng

STT	Nhóm khách hàng sử dụng cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sử dụng/tháng		Giá bán lẻ làm tròn (đồng/m ³)
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Kí hiệu	
1	Hộ dân cư	- Từ mức 1m ³ -10m ³ đầu	SH1	3.800
		- Từ mức trên 10m ³ -20m ³	SH2	4.700
		- Từ mức trên 20m ³ -30m ³	SH3	5.700
		- Trên 30m ³	SH4	6.600
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	HCSN	5.700
3	Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	7.100
4	Sản xuất kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	KD	9.500
Giá bán lẻ nước sạch bình quân				4.700

2. Giá bán nước sạch quy định tại Quyết định này đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thuế tỉnh Lào Cai; Trung tâm Khuyến nông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NLN (Minh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng Quốc Hưng